

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2388/SYT-NVYD
V/v triển khai Thông tư số
10/2021/TT-BYT ngày 30/6/2021
của Bộ Y tế.

Kiên Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2021

*Kính chuyển BGD
phòng KHTM
Khoa ATTP
Lao*

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GÒ QUAO	
Số: 1279	
ĐẾN Ngày: 23/7	Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế.
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Ngày 30/6/2021 Bộ Y tế ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BYT quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khoẻ, Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2021 (đính kèm),

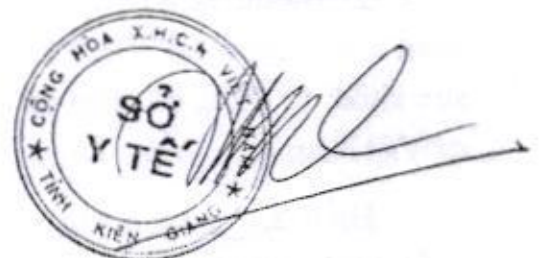
Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai nội dung Thông tư nêu trên đến khoa, phòng, bộ phận có liên quan tại cơ quan, đơn vị được biết, thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế (qua Phòng Nghiệp vụ Y dược) để được hướng dẫn, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGĐ SYT;
- NVYD;
- Trang HSCV;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- Lưu: VT, tdphi.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thiện Tùng

Ch² Dslop

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
 ĐẾN SA 482
 Ngày 3/7/21
 Chuyển:
 Số và ký hiệu HS:

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe

QUẢN LÝ CHẤT TÁC ĐỘNG
 SỐ QUẢN LÝ CHẤT TÁC ĐỘNG
 SỐ QUẢN LÝ CHẤT TÁC ĐỘNG
 SỐ QUẢN LÝ CHẤT TÁC ĐỘNG

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe

1. Bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật và có cơ sở khoa học.

2. Phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn quản lý an toàn thực phẩm tại Việt Nam.

3. Kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục để đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe và yêu cầu quản lý nhà nước.

4. Chất đưa vào Danh mục là chất có khả năng gây hại đến sức khỏe hoặc tính mạng người sử dụng hoặc các chất không thuộc loại dùng trong thực phẩm.

Điều 3. Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe, bao gồm chất có trong các Danh mục sau:

1. Phụ lục V “Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc cấm nhập khẩu, cấm sản xuất” ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

2. Danh mục I “Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội; Việc sử dụng các chất này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền”; Danh mục II “Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”; Danh mục III “Các chất ma túy được dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”; Danh mục IVA “Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy” ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

3. Phụ lục I “Danh mục dược chất gây nghiện” ban hành kèm theo Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

4. Danh mục Thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục Thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc.

5. Phụ lục I “Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc thực vật”; Phụ lục II “Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc động vật”; Phụ lục III “Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc khoáng vật” ban hành kèm theo Thông tư số 42/2017/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục dược liệu độc làm thuốc, trừ các dược liệu có dấu (*) đã được chế biến theo đúng phương pháp chế biến do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 30/2017/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn phương pháp chế biến các vị thuốc cổ truyền và bảo đảm an toàn khi làm thực phẩm.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) có trách nhiệm:
 - a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan quan phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư này;
 - b) Chỉ đạo các đơn vị tham gia kiểm nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe xây dựng phương pháp, đầu tư nhân lực, trang thiết bị kiểm nghiệm để đáp ứng yêu cầu kiểm nghiệm các chất có trong Danh mục chất cấm quy định tại Thông tư này.
2. Sở Y tế, Ban Quản lý an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện, Sở Y tế chỉ đạo các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các đơn vị liên quan kiểm tra và giám sát các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại địa phương.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Phòng Công báo, Công TTĐTCTP);
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Tổng cục thuộc Bộ Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các ngành;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban Quản lý an toàn thực phẩm, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, ATTP_(02b), PC_(02b)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Quốc Cường

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2021)

STT	Tên chất		Tên khoa học
1	1-3-dimethylamylamine		4-methylhexan-2-amine
2	Aildenafil		5-[5-[(3S,5R)-3,5-dimethylpiperazin-1-yl]sulfonyl-2-ethoxyphenyl]-1-methyl-3-propyl-6H-pyrazolo[4,3-d]pyrimidin-7-one
3	Aminotadalafil		(2R,8R)-6-amino-2-(1,3-benzodioxol-5-yl)-3,6,17-triazatetracyclo[8.7.0.03,8.011,16]heptadeca-1(10),11,13,15-tetraene-4,7-dione
4	Aromatase inhibitor	Aminoglutethimide	3-(4-aminophenyl)-3-ethylpiperidine-2,6-dione
		Formestane	(8R,9S,10R,13S,14S)-4-hydroxy-10,13-dimethyl-2,6,7,8,9,11,12,14,15,16-decahydro-1H-cyclopenta[a]phenanthrene-3,17-dione
		Anastrozole	2-[3-(2-cyanopropan-2-yl)-5-(1,2,4-triazol-1-ylmethyl)phenyl]-2-methylpropanenitrile
		Letrozole	4-[(4-cyanophenyl)-(1,2,4-triazol-1-yl)methyl]benzonitrile
		Vorozole	6-[(4-chlorophenyl)-(1,2,4-triazol-1-yl)methyl]-1-methylbenzotriazole
		Exemestane	6-Methyleneandrost-1,4-diene-3,17-dione (8R,9S,10R,13S,14S)-10,13-dimethyl-6-methylidene-7,8,9,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthrene-3,17-dione
5	Beclomethasone		(8S,9R,10S,11S,13S,14S,16S,17R)-9-chloro-11,17-dihydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13,16-trimethyl-6,7,8,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthren-3-one
6	Benproperine		1-[1-(2-benzylphenoxy)propan-2-yl]piperidine
7	Benzamidenafil		N-[(3,4-dimethoxyphenyl)methyl]-2-(1-hydroxypropan-2-ylamino)-5-nitrobenzamide
8	Benzyl sibutramine		1-(1-(4-chlorophenyl)cyclobutyl)-N,N-dimethyl-2-phenylethan-1-amine
9	Betamethasone		(8S,9R,10S,11S,13S,14S,16S,17R)-9-fluoro-11,17-dihydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13,16-trimethyl-6,7,8,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthren-3-one
10	Budesonide		(1S,2S,4R,8S,9S,11S,12S,13R)-11-hydroxy-8-(2-hydroxyacetyl)-9,13-dimethyl-6-propyl-5,7-dioxapentacyclo[10.8.0.02,9.04,8.013,18]icosa-14,17-dien-16-one
11	Buformin		2-butyl-1-(diaminomethylidene)guanidine
12	Cetilistat		2-hexadecoxy-6-methyl-3,1-benzoxazin-4-one
13	Chlorpheniramine		3-(4-chlorophenyl)-N,N-dimethyl-3-pyridin-2-ylpropan-1-amine
14	Chlorpromazine		3-(2-chlorophenothiazin-10-yl)-N,N-dimethylpropan-1-amine
15	Chlorzoxazone		5-chloro-3H-1,3-benzoxazol-2-one
16	Cinnarizine		1-benzhydryl-4-[(E)-3-phenylprop-2-enyl]piperazine

17	Clobetasol propionate	[(8S,9R,10S,11S,13S,14S,16S,17R)-17-(2-chloroacetyl)-9-fluoro-11-hydroxy-10,13,16-trimethyl-3-oxo-6,7,8,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthren-17-yl] propanoate	
18	Colchicine	N-[(7S)-1,2,3,10-tetramethoxy-9-oxo-6,7-dihydro-5H-benzo[a]heptalen-7-yl]acetamide	
19	Cortisone	(8S,9S,10R,13S,14S,17R)-17-hydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13-dimethyl-1,2,6,7,8,9,12,14,15,16-decahydrocyclopenta[a]phenanthrene-3,11-dione	
20	Cyproheptadine	1-methyl-4-(2-tricyclo[9.4.0.03,8]pentadeca-1(15),3,5,7,9,11,13-heptaenylidene)piperidine	
21	Dapoxetine	(1S)-N,N-dimethyl-3-naphthalen-1-yloxy-1-phenylpropan-1-amine	
22	Deflazacort	[2-[(1S,2S,4R,8S,9S,11S,12S,13R)-11-hydroxy-6,9,13-trimethyl-16-oxo-5-oxa-7-azapentacyclo[10.8.0.02,9.04,8.013,18]icosa-6,14,17-trien-8-yl]-2-oxoethyl] acetate	
23	Desisobutylbenzylsibutramine	1-[1-(4-chlorophenyl)cyclobutyl]-N,N-dimethyl-2-phenylethanamine	
24	Desmethyl carbodenafil	5-[2-ethoxy-5-(4-methylpiperazine-1-carbonyl)phenyl]-1-methyl-3-propyl-6H-pyrazolo[4,3-d]pyrimidin-7-one	
25	Desmethylsibutramine	1-[1-(4-chlorophenyl)cyclobutyl]-N,3-dimethylbutan-1-amine	
26	Desmethylsildenafil	5-(2-ethoxy-5-piperazin-1-ylsulfonylphenyl)-1-methyl-3-propyl-6H-pyrazolo[4,3-d]pyrimidin-7-one	
27	Dexamethasone	(8S,9R,10S,11S,13S,14S,16R,17R)-9-fluoro-11,17-dihydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13,16-trimethyl-6,7,8,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthren-3-one	
28	Diclofenac	[2-[(2,6-dichlorophenyl)amino]phenyl]acetic acid	
29	Diclofenac Sodium	Sodium 2-[(2,6-dichlorophenyl)amino]phenyl]acetate	
30	Didesmethylsibutramine	1-[1-(4-chlorophenyl)cyclobutyl]-3-methylbutan-1-amine	
31	Dimethylacetildenafil	5-[5-[2-[(3S,5R)-3,5-dimethylpiperazin-1-yl]acetyl]-2-ethoxyphenyl]-1-methyl-3-propyl-6H-pyrazolo[4,3-d]pyrimidin-7-one	
32	Dithiodesmethylcarbodenafil	5-[2-ethoxy-5-(4-methylpiperazine-1-carbothiioyl)phenyl]-1-methyl-3-propyl-4H-pyrazolo[4,3-d]pyrimidine-7-thione	
33	Doxepin	(3E)-3-(6H-benzo[c][1]benzoxepin-11-ylidene)-N,N-dimethylpropan-1-amine	
34	Ephedrine alkaloids	ephedrine	(1R,2S)-2-(methylamino)-1-phenylpropan-1-ol
		pseudoephedrine	(1S,2S)-2-(methylamino)-1-phenylpropan-1-ol
		norephedrine	(1S,2R)-2-amino-1-phenylpropan-1-ol
		norpseudoephedrine	(1S,2S)-2-amino-1-phenylpropan-1-ol
35	Fenfluramine	N-ethyl-1-[3-(trifluoromethyl)phenyl]propan-2-amine	
36	Flibanserin	3-[2-[4-[3-(trifluoromethyl)phenyl]piperazin-1-yl]ethyl]-1H-benzimidazol-2-one	
37	Fludrocortisone	(8S,9R,10S,11S,13S,14S,17R)-9-fluoro-11,17-dihydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13-dimethyl-1,2,6,7,8,11,12,14,15,16-decahydrocyclopenta[a]phenanthren-3-one	
38	Fluocinolone	(6S,8S,9R,10S,11S,13S,14S,16R,17S)-6,9-difluoro-11,16,17-trihydroxy-17-(2-hydroxyacetyl)-10,13-dimethyl-6,7,8,11,12,14,15,16-octahydrocyclopenta[a]phenanthren-3-one	
39	Fluocinonide	[2-[(1S,2S,4R,8S,9S,11S,12R,13S,19S)-12,19-difluoro-11-hydroxy-6,6,9,13-tetramethyl-16-oxo-5,7-dioxapentacyclo[10.8.0.02,9.04,8.013,18]icosa-14,17-dien-8-yl]-2-oxoethyl] acetate	